

VẬN DỤNG KHUNG SINH KẾ BỀN VỮNG CỦA CƠ QUAN PHÁT TRIỂN QUỐC TẾ VƯƠNG QUỐC ANH (DFID) TRONG NGHIÊN CỨU NHÓM LAO ĐỘNG YẾU THỂ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

 TS. NGUYỄN ĐỨC HỮU

Tóm tắt: Cho tới thập niên đầu của thế kỷ 21, trong khi các phương pháp chủ yếu đặt mục tiêu về phát triển kinh tế trong các chương trình xóa đói giảm nghèo tỏ ra không hiệu quả thì tiếp cận sinh kế bền vững, việc sử dụng khung phân tích sinh kế bền vững của cơ quan phát triển quốc tế Vương quốc Anh (DFID) được đánh giá như một phương pháp quan trọng trong việc giải quyết vấn đề về phát triển xã hội của nhiều chính phủ, trong đó có Việt Nam. Điều này thực sự có ý nghĩa, nhất là đối với các nhóm lao động yếu thế, nhóm xã hội dễ bị tổn thương trong bối cảnh cần phải xây dựng các giải pháp để duy trì và đảm bảo sinh kế bền vững cho các nhóm đặc thù này.

1. Một số tiếp cận về sinh kế

Cho đến nay, khái niệm sinh kế vẫn đang được tiếp tục thảo luận, phát triển với nhiều định nghĩa, cách giải thích khác nhau, và cả những phê phán đi kèm. Đánh giá một cách tổng thể thì sự khác nhau đó tạo ra cả khó khăn lẫn thuận lợi cho việc áp dụng khái niệm này vào các nghiên cứu cụ thể. Về mặt thuận lợi, sự đa dạng và phong phú về định nghĩa và cách giải thích cho thấy sinh kế có thể được áp dụng vào nhiều lĩnh vực nghiên cứu khác nhau. Chẳng hạn, trong báo cáo Bruntland, (WCED, 1987) đưa ra khái niệm về an ninh sinh kế bền vững (sustainable livelihood security). Theo báo cáo này, Sinh kế (livelihood) được hiểu là có các nguồn dự trữ về lương thực và tiền bạc để đáp ứng các nhu cầu cơ bản. An ninh (security) được hiểu là sở hữu hoặc tiếp cận các nguồn lực và hoạt động tạo thu nhập để bù đắp rủi ro, làm giảm các đột biến cũng như ứng phó kịp thời với những bất thường xảy ra. Bền vững (sustainable) đề cập đến khả năng duy trì hoặc tăng cường năng suất trong dài hạn. Do đó, một hộ gia đình có thể đạt được an ninh sinh kế bền vững bằng nhiều cách: sở hữu đất

đai, cây trồng và vật nuôi; có quyền được chăn thả, đánh bắt, săn bắn hoặc hái lượm; có công việc ổn định với mức thu thập đủ trang trải các nhu cầu của cuộc sống,... Theo WCED, sinh kế bền vững là một khái niệm lồng ghép và được coi là phương tiện để đạt được 2 mục tiêu: công bằng, bền vững.

Tuy nhiên, khái niệm về sinh kế thường xuyên được sử dụng và trích dẫn trong các nghiên cứu sau này đều dựa trên ý tưởng về sinh kế của Chambers và Conway (1992), trong đó, sinh kế, theo cách hiểu đơn giản nhất, là phương tiện để kiếm sống. Một định nghĩa đầy đủ hơn của Chambers và Conway về sinh kế là: *“sinh kế bao gồm khả năng, nguồn lực và các hoạt động cần thiết làm phương tiện sống của con người”*. Một sinh kế là bền vững “khi nó có thể giải quyết được hoặc có khả năng phục hồi từ những căng thẳng và đột biến, duy trì hoặc tăng cường khả năng và nguồn lực; tạo ra các cơ hội sinh kế bền vững cho thế hệ tương lai và mang lại lợi ích ròng cho các sinh kế khác ở cả cấp địa phương và cấp toàn cầu, trong ngắn hạn và dài hạn” (Chambers và Conway, 1992). Sinh kế có thể được nghiên cứu ở các cấp độ khác nhau như cá nhân, hộ gia đình, thôn, vùng... nhưng phổ biến nhất là cấp hộ gia đình. Theo quan điểm của Chambers và Conway, sinh kế bền vững là một khái niệm lồng ghép của 3 yếu tố cơ bản là: khả năng, công bằng và bền vững (Chambers, 1992).

Dựa trên khái niệm về sinh kế bền vững của Chambers và Conway (1992), Scoones (1998) định nghĩa sinh kế bao gồm khả năng, nguồn lực (các nguồn lực vật chất và nguồn lực xã hội) và các hoạt động cần thiết làm phương tiện sống của con người. Một sinh kế được coi là bền vững khi nó có thể giải quyết được hoặc có khả năng phục hồi từ những căng

* Trường Đại học Công đoàn

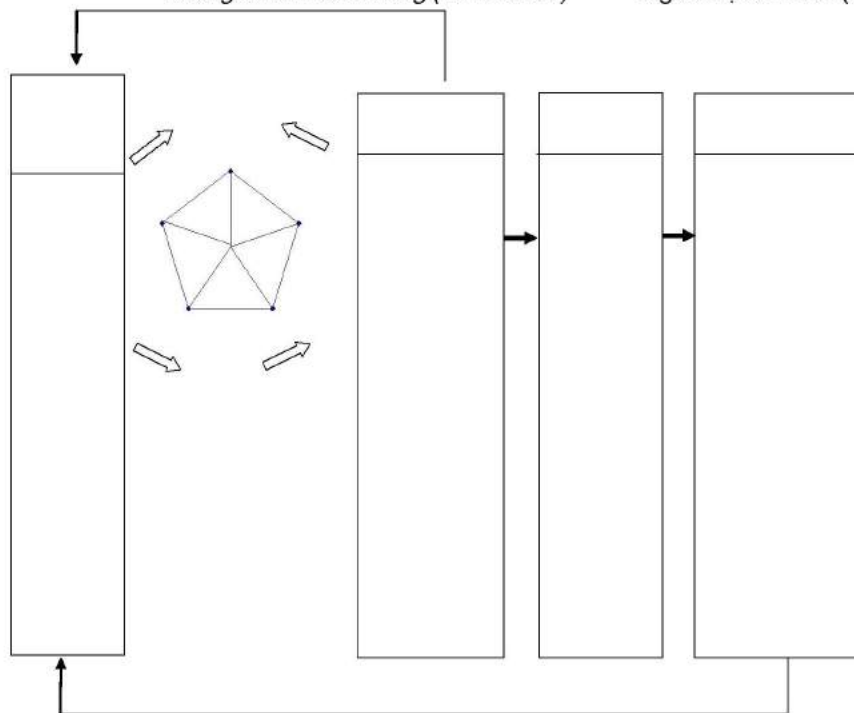
thăng; duy trì và tăng cường khả năng và nguồn lực hiện tại mà không làm tổn hại đến cơ sở tài nguyên thiên nhiên” (Scoones, 1998).

2. Khung sinh kế bền vững của DFID

Sinh kế bền vững

Khung sinh kế là một công cụ được xây dựng nhằm xem xét những yếu tố khác nhau ảnh hưởng đến sinh kế của con người, đặc biệt là những yếu tố gây khó khăn hoặc tạo cơ hội trong sinh kế. Cơ quan Phát triển Quốc tế vương quốc Anh (DFID) đã đưa ra khung sinh kế bền vững như sau:

Khung sinh kế bền vững (DFID 2001)



NGUỒN: DFID (2001), "Sustainable Livelihoods Guidance Sheets", DFID Report.

Về cơ bản, các khung sinh kế bền vững đều phân tích sự tác động qua lại của 5 nhóm yếu tố ảnh hưởng đến sinh kế hộ gia đình là: (i) nguồn lực sinh kế; (ii) chiến lược sinh kế, (iii) kết quả sinh kế, (iv) các qui trình về thể chế và chính sách, và (v) bối cảnh bên ngoài (DFID, 2001).

Bối cảnh bên ngoài

Bối cảnh bên ngoài, hiểu một cách đơn giản, là môi trường bên ngoài mà con người sinh sống. Sinh kế của người dân và nguồn lực sinh kế của họ bị ảnh hưởng rất nhiều bởi 3 yếu tố thuộc bối cảnh bên ngoài là: các xu hướng, các cú sốc và tính mùa vụ.

Các xu hướng bao gồm: xu hướng về dân số, nguồn lực sinh kế, các hoạt động kinh tế cấp quốc gia và quốc tế, tình hình chính trị của quốc gia, sự thay đổi công nghệ

Các cú sốc bao gồm: các cú sốc về sức khỏe (do bệnh dịch), cú sốc tự nhiên (do thời tiết, thiên tai), cú sốc về kinh tế (do khủng hoảng), cú sốc về mùa màng/vật nuôi.

Tính mùa vụ: liên quan đến sự thay đổi về giá cả, hoạt động sản xuất, và các cơ hội việc làm mang yếu tố thời vụ

Nguồn lực sinh kế (vốn)

Khả năng tiếp cận của con người đối với các nguồn lực sinh kế được coi là yếu tố trọng tâm trong cách tiếp cận về sinh kế bền vững. Có 5 loại nguồn lực sinh kế:

- *Vốn tự nhiên:* bao gồm các nguồn tài nguyên có trong môi trường tự nhiên mà con người có thể sử dụng để thực hiện các hoạt động sinh kế, ví dụ như đất đai, rừng, tài nguyên biển, nước, không khí, đa dạng sinh học,... (DFID, 2001)

- *Vốn vật chất:* bao gồm hệ thống cơ sở hạ tầng cơ bản hỗ trợ cho các hoạt động sinh kế, ví dụ như: đường giao thông, nhà ở, cấp nước, thoát

nước, năng lượng (điện), thông tin,... (DFID, 2001).

- *Vốn tài chính:* bao gồm các nguồn vốn khác nhau mà con người sử dụng để đạt được các mục tiêu sinh kế, bao gồm các khoản tiền tiết kiệm, tiền mặt, trang sức, các khoản vay, các khoản thu nhập,... (DFID, 2001).

- *Vốn con người:* bao gồm các kỹ năng, kiến thức, kinh nghiệm, khả năng lao động, sức khỏe, trình độ giáo dục mà những yếu tố này giúp con người thực hiện các chiến lược sinh kế khác nhau và đạt được các kết quả sinh kế khác nhau. Ở cấp hộ gia đình, nguồn lực con người là yếu tố quyết định số lượng và chất lượng lao động và nó thay đổi tùy theo qui mô hộ gia đình, trình độ kỹ năng, sức khỏe,... (DFID, 2001).

• **Vốn xã hội:** bao gồm các mối quan hệ giữa con người với con người trong xã hội mà con người dựa vào để thực hiện các hoạt động sinh kế, chủ yếu bao gồm các mạng lưới xã hội (các tổ chức chính trị hoặc dân sự), thành viên của các tổ chức cộng đồng, sự tiếp cận thị trường,... (DFID, 2001).

Trong yếu tố cấu thành khung sinh kế bền vững, 5 nguồn lực (vốn) sinh kế đóng vai trò cốt lõi đối với các hoạt động sinh kế ở cấp cá nhân, hộ gia đình hoặc một nhóm đối tượng vì nó quyết định các chiến lược sinh kế nào được thực hiện để đạt được các kết quả sinh kế mong muốn. Tuy nhiên, các nguồn lực sinh kế này cũng bị ảnh hưởng bởi các yếu tố thuộc bối cảnh bên ngoài và thể chế - chính sách ở địa phương. Do đó, sự tương tác giữa các nhóm yếu tố này, kết hợp với nhu cầu về sinh kế, sẽ quyết định các chiến lược sinh kế của các cá nhân, hộ gia đình và các nhóm đối tượng khác nhau.

1. Áp dụng khung phân tích sinh kế bền vững cho nhóm lao động yếu thế ở Việt Nam hiện nay

Là nước thu nhập trung bình, Việt Nam hiện đang có nhiều cơ hội phát triển mới. Tuy nhiên cũng có nhiều thách thức cần phải giải quyết, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến những nhóm xã hội dễ bị tổn thương, các nhóm lao động yếu thế. Những thách thức cho nhóm LĐYT bao gồm thể chế chính sách chưa phù hợp, cơ sở hạ tầng kém phát triển, khó tiếp cận các dịch vụ xã hội cũng như sự thiếu hụt về trình độ nghề nghiệp. Những thách thức này đang đe dọa sự bền vững của những thành tựu mà Việt Nam đã đạt được và cản trở phát triển con người lên mức cao hơn. Do vậy cần có một cách tiếp cận phát triển mới nếu Việt Nam muốn đạt được tăng trưởng có chất lượng và bền vững hơn. Việt Nam không chỉ tập trung vào việc nâng cao thu nhập mà còn phải hướng tới phát triển con người, đặc biệt là cải thiện sinh kế cho nhóm lao động yếu thế. Đảm bảo sự cân đối hơn giữa tăng trưởng kinh tế và các mục tiêu phát triển xã hội.

Theo xác định của UNESCO, nhóm yếu thế/thiệt thòi bao gồm: những người ăn xin, nạn nhân của các loại tội phạm, người tàn tật, thanh thiếu niên có hoàn cảnh khó khăn, nhóm giáo dục đặc biệt, người cao tuổi, người nghèo, tù nhân, gái mại dâm, người thất nghiệp, người lang thang cơ nhỡ. Ngoài ra còn kể đến người tị nạn, người xin tị nạn, người bị xã hội loại trừ. Theo cách xác định này người nghèo, người thất nghiệp cũng được coi thuộc nhóm yếu thế/thiệt thòi.

Trong một số nghiên cứu ở Việt Nam còn kể thêm nhóm người là nạn nhân chiến tranh, đặc biệt nạn nhân chất độc da cam, nhóm bị bạo lực gia đình, nạn nhân bị quấy rối và lạm dụng tình dục, nạn nhân buôn bán người, các đối tượng mắc bệnh xã hội, trẻ em bị ảnh hưởng của HIV/AIDS... Như vậy có thể nói, nhóm yếu thế (hay nhóm thiệt thòi) là những nhóm xã hội đặc biệt, có hoàn cảnh khó khăn hơn, có vị thế xã hội thấp kém hơn so với các nhóm xã hội "bình thường" có những đặc điểm tương tự. Họ gặp phải hàng loạt thách thức, ngăn cản khả năng hòa nhập của họ vào đời sống cộng đồng. Hàng rào đó có thể liên quan đến thể chất, liên quan đến khả năng, nghề nghiệp, hoàn cảnh sống, sự đánh giá, kỳ thị của xã hội, các vấn đề tâm lý... Hàng rào đó có thể là vô hình, có thể là hữu hình, ngăn cản họ tiếp cận và sử dụng các phương tiện sống thiết yếu hay các dịch vụ xã hội cần thiết cho mọi thành viên "bình thường" của xã hội. Để nâng cao vị thế xã hội, giảm sự thiệt thòi, họ rất cần được sự quan tâm, giúp đỡ, hỗ trợ từ xã hội.

Nước ta là nước vừa thoát nghèo, đời sống của người dân còn nhiều khó khăn, lại trải qua nhiều năm chiến tranh ác liệt, nên số người tàn tật, nạn nhân chiến tranh cao, thêm vào đó dân số nước ta cũng đang trong xu hướng bị già hóa; điều đó càng làm đông đảo thêm dân số của nhóm yếu thế, cần trợ giúp. Theo số liệu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thì Việt Nam có khoảng 7,3 triệu người cao tuổi, 5,3 triệu người tàn tật, 2,5 triệu trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.¹ Ngoài ra nhóm người yếu thế còn bao gồm phụ nữ nghèo, người dân tộc... cũng đang chiếm số lượng khá lớn trong xã hội. Có khoảng 24% trong số họ đang sống trong những căn nhà tạm, 41% người khuyết tật từ 6 tuổi trở lên không biết chữ, đặc biệt 93% người khuyết tật từ 16 tuổi trở lên không có chuyên môn, nghề nghiệp. Đây chính là những rào cản lớn trong việc hòa nhập đời sống xã hội của nhóm người yếu thế. Thực tế hầu hết những người trong nhóm yếu thế do những hoàn cảnh đặc biệt mà đều thuộc nhóm người nghèo hoặc cực nghèo. Vì vậy trong các chương trình mục tiêu quốc gia, nhất là chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo, Chương trình 135 đều có những chính sách, những dự án hướng

¹ Nguồn: Bộ LĐ-TB&XH: Công tác hỗ trợ an sinh xã hội nhóm yếu thế ở Việt Nam 2015.

đến đảm bảo sinh kế bền vững cho nhóm xã hội đặc biệt này.

Từ cách tiếp cận trên cơ sở khung sinh kế bền vững của DFID, sinh kế của lao động yếu thế chịu tác động của 3 nhóm yếu tố. Các yếu tố thuộc nhóm thứ nhất bao gồm các nguồn lực sinh kế (5 loại nguồn lực) mà hộ gia đình sử dụng để thực hiện các chiến lược sinh kế. Thuộc nhóm thứ hai là các yếu tố về đặc điểm cá nhân (như tuổi tác, giới tính, trình độ nghề nghiệp...) và yếu tố thứ 3 là các yếu tố xã hội (như cơ cấu chính trị, chính sách, luật pháp...) bao quanh cộng đồng nhóm yếu thế và có ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống của gia đình họ... Sự lựa chọn về chiến lược sinh kế của nhóm lao động yếu thế dựa trên những nguồn lực sinh kế hiện tại là kết quả của sự tương tác giữa 3 nhóm yếu tố cơ bản này.

Xuất phát từ truyền thống tốt đẹp của dân tộc, phù hợp với các Công ước quốc tế về người khuyết tật, người cao tuổi... Đảng và Nhà nước Việt Nam cũng rất quan tâm đến các chính sách xã hội trợ giúp các nhóm yếu thế/thiệt thòi. Biểu hiện rõ nhất là tại kỳ họp thứ 6 khóa XII (năm 2009), Quốc hội đã thông qua và tháng 12/2009 Chủ tịch nước đã ký và công bố Luật người cao tuổi. Luật người cao tuổi gồm 6 chương, 31 điều, thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về người cao tuổi một cách hệ thống, đầy đủ, toàn diện; khuyến khích sự quan tâm của các tổ chức cá nhân nhằm xã hội hóa công tác chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi. Năm 1998, Chính phủ Việt Nam đã ra Pháp lệnh về người tàn tật. Pháp lệnh quy định trách nhiệm của gia đình, nhà nước và xã hội đối với người tàn tật; quyền và nghĩa vụ của người tàn tật. Để luật hóa các quy định đối với người tàn tật, tại kỳ họp thứ 6 khóa XII (năm 2009) Quốc hội đã thảo luận, thu nhận các ý kiến đóng góp cho Luật người khuyết tật và tại kỳ họp thứ 7 tháng 6/2010 Luật người khuyết tật được thông qua. Luật gồm 10 chương và 53 điều quy định về quyền và nghĩa vụ của người khuyết tật; trách nhiệm của Nhà nước, gia đình và xã hội đối với người khuyết tật.

Đặc biệt, Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống một số bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm và HIV/AIDS đã giành nhiều dự án hướng đến phòng chống, trợ giúp các nhóm xã hội đặc biệt này như Dự án phòng, chống bệnh lao, Dự án phòng, chống bệnh phong, Dự án phòng, chống bệnh ung thư,

Dự án phòng, chống HIV/AIDS, Dự án phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em, Dự án bảo vệ sức khỏe tâm thần cộng đồng...

Ngoài ra Chính phủ Việt Nam, cũng như các tổ chức quốc tế, chính phủ nhiều nước còn ưu tiên trợ giúp kinh phí cho nhiều dự án quan trọng khác dành cho nhóm yếu thế như Dự án Bảo trợ xã hội cho các nhóm thiệt thòi nhất ở Việt Nam. Dự án hướng đến 4 nhóm xã hội được coi là thiệt thòi (i) nhóm những người nông dân nghèo ở nông thôn mà phần lớn những người nghèo sống ở các vùng nông thôn và đồi núi. (ii) những người nghèo ở nông thôn di cư ra thành thị. (iii) Nhóm những công nhân làm thuê không chính thức trong các công xưởng thủ công và trong các xưởng sản xuất gia đình. (iv) nhóm những người ốm yếu, tàn tật bao gồm cả những người bị nhiễm HIV. Bên cạnh đó, chiến lược chính sách ASXH 2011 - 2020 của Việt Nam là đảm bảo mọi người dân có mức sống trung bình, không rơi vào tình trạng bần cùng hóa, kể cả trong trường hợp rủi ro bất thường. Nội dung gồm 6 chiến lược cơ bản: an sinh xã hội, việc làm, đào tạo nghề, bình đẳng giới, xóa đói giảm nghèo, bảo vệ trẻ em.

Trong thời gian qua khi các chính sách, các chương trình, dự án dành cho nhóm yếu thế được hiện thực hóa. Các dịch vụ xã hội cũng đã được hình thành và phát triển dựa trên nhu cầu thực tiễn, đặc biệt là nhu cầu của những người lao động nghèo và nhóm yếu thế. Các dịch vụ xã hội đặc thù đó đã được phổ biến rộng rãi và mang lại nhiều lợi ích và nhiều thay đổi theo hướng tích cực trong đời sống của nhóm yếu thế, giúp họ tự tin hơn, dân chủ hơn trong đời sống cộng đồng; Dịch vụ bảo hiểm đã được triển khai ở mọi nơi, với nhiều đối tượng thuộc nhóm yếu thế, như cấp bảo hiểm y tế cho người nghèo, người già cô đơn, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, bảo hiểm cho dự phòng tuổi già cho nông dân. Dịch vụ cung ứng cơ sở vật chất: người tàn tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, đồng bào thuộc các nhóm dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa được trợ cấp lương thực, được sử dụng nước sạch miễn phí, được xóa nhà tạm...; Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp: hàng năm hàng vạn hộ gia đình, cá nhân gặp phải các rủi ro bất khả kháng và có nhu cầu cần trợ giúp để đảm bảo nhu cầu sinh sống đã được trợ giúp bằng tiền hoặc bằng hiện vật như gạo, thuốc men, sách vở, quần áo; Các dịch vụ về nhà ở hầu hết các địa phương đã cung cấp nơi ở cho các đối tượng khi gặp phải

những rủi ro cần có nơi trú ẩn an toàn trước khi hoà nhập cộng đồng như: Bạo hành gia đình, trẻ em đường phố, nạn nhân buôn bán người, nạn nhân bị quấy rối, lạm dụng tình dục...; Dịch vụ y tế cho các đối tượng đặc thù: đã cung cấp các dịch vụ khám chữa bệnh miễn phí hoặc giảm lệ phí cho các đối tượng: người tàn tật nặng, các đối tượng nhiễm HIV/AIDS, mất khả năng lao động,...; Dịch vụ giáo dục, dạy nghề, nhà nước, các tổ chức xã hội đã hỗ trợ tổ chức nhiều cơ sở dạy nghề cho đối tượng là người tàn tật, những đối tượng xã hội: giáo dục chuyên biệt, giáo dưỡng... Sau khi học nghề hàng vạn người thiệt thòi đã kiếm được việc làm có thu nhập, yên tâm với cuộc sống.

Trong một cơ cấu xã hội đa dạng mà xu hướng phân tầng sẽ ngày càng tăng trong nền kinh tế thị trường, mở cửa và hội nhập, các nhóm xã hội sẽ có nhiều khác biệt và sự chênh lệch về lợi ích và nhu cầu. Làm thế nào để mọi thành viên trong cộng đồng đều có cơ hội như nhau trong phát triển. Nhóm lao động yếu thế cũng có được cơ hội tiếp cận các dịch vụ công cộng về giáo dục, y tế, giao thông, du lịch và các dịch vụ xã hội khác để cùng phát triển, không bị thua thiệt và để bị rơi vào tình trạng tách

biệt xã hội. Xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay đòi hỏi cần nghiên cứu một giải pháp sinh kế bền vững hơn cho các nhóm lao động yếu thế này. □

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Đức Hữu (2015) "Sinh kế của người nông dân bị mất đất trong quá trình công nghiệp hóa - đô thị hóa: nghiên cứu trường hợp tỉnh Hải Dương", luận án tiến sĩ xã hội học.
2. Nguyễn Xuân Mai, Nguyễn Duy Thắng (2011), "Sinh kế của ngư dân ven biển, Thực trạng và giải pháp", Tạp chí Xã hội học số 4.
3. Quốc hội nước CHXHCNVN: Luật người cao tuổi (2009).
4. Quốc hội nước CHXHCNVN: Luật người khuyết tật (2009).
5. Quốc hội nước CHXHCNVN: Luật phòng chống bạo lực gia đình (2007).
6. Ashley, C. and Carney, D. (1999), "Sustainable Livelihoods: Lessons from early experience", London: Department for International Development - DFID.
7. Bebbington, Anthony (1999) Capitals and Capabilities, Policies that Work for Sustainable Agriculture and Regenerating Rural Economies Series, IIED, London.
8. DFID (2001), "Sustainable Livelihoods Guidance Sheets", DFID Report.

GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC NHỮNG TỒN TẠI...

(Tiếp theo trang 62)

dân thấy được tầm quan trọng của BHYT, nhận rõ những giá trị và quyền lợi được thụ hưởng khi tham gia BHYT, tránh tình trạng đa phần người dân đều có suy nghĩ chỉ khi ốm hoặc sắp ốm mới cần mua thẻ bảo hiểm y tế...

- Thứ tư, Bộ Y tế cần tiếp tục đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về hoạt động thanh toán chi phí khám - chữa bệnh BHYT tại các cơ sở khám chữa bệnh, phòng chống hành vi gian lận, trục lợi quỹ BHYT.

- Thứ năm, Nhà nước cần thực hiện quy định giá dịch vụ y tế thống nhất theo hạng bệnh viện theo đúng lộ trình đã được xây dựng, để từng bước đổi mới cơ chế tài chính, thúc đẩy các cơ sở y tế nâng cao chất lượng; đồng thời, đảm bảo tính công bằng giữa các cơ sở y tế.

Chúng ta cùng hy vọng rằng với sự nỗ lực không ngừng của các cấp, các ngành, Việt Nam sẽ nhanh chóng hoàn thiện được mục tiêu BHYT toàn dân;

hoàn thiện hơn nữa hệ thống an sinh xã hội để phát huy hiệu quả trong công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, góp phần tích cực vào việc ổn định xã hội, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh. □

Tài liệu tham khảo

1. Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 ngày 14 tháng 11 năm 2008.
2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế số 46/2014/QH13 ngày 13 tháng 6 năm 2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015;
3. Thông tư số 40/2015/TT-BYT ngày 16/11/2015 của Bộ Y tế quy định đăng ký khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu và chuyển tuyến khám bệnh, chữa bệnh Bảo hiểm y tế.
4. Công văn số 943/BHXH-CSYT ngày 21/3/2016 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc hướng dẫn bổ sung về giải quyết vướng mắc trong thực hiện chính sách BHYT.
5. Nguyễn Hùng Anh (2013), "Phát triển Bảo hiểm y tế tự nguyện" Tạp chí Bảo hiểm xã hội Đà Nẵng.
6. Các nguồn từ Internet: www.baohiemxahoi.gov.vn, www.bhxhvn.com.vn.